

CHÚ GIẢI KINH DUY-MA-CẬT

QUYỂN 5

PHẨM 5: VĂN THÙ SƯ LỢI VẤN TẬT

Chánh văn: *Bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi rằng.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Văn-thù-sư-lợi, Hán dịch là Diệu Đức. Kinh nói: “Ngài đã từng thành Phật hiệu là Long Chủng Tôn.”

Chánh văn: *Ông đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Bạc Thượng nhân kia thật khó bề đối đáp lại!”*

Ngài La-thập nói:

- Tức nói vượt trên cả ta nữa, há là chư hiền? Đây là tình thâm giao há có thật ư?

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ba mươi hai ngàn vị Bồ-tát hà tất phải nói chẳng kham, ngài Văn-thù-sư-lợi hà tất phải độc tôn đến được. Đó chỉ là bậc Chí nhân quyền biến vô cùng, ẩn hiển khác vết, nên thay nhau hiện dài ngắn, để ứng với tâm chúng sinh, ai dám định là có hơn kém, luận được mất sao? Bồ-tát Văn-thù vì muốn làm vui tâm đại chúng mà phụng mệnh Phật, cho nên trước khen đức của ông Duy-ma, để chúng hội sinh ý tưởng khó gặp. Người ấy đạo lực thật cao khó mà đối đáp lại, nhưng vì thừa phụng Thánh chỉ của Phật mà đến thăm bệnh.

Chánh văn: *Thâm đạt thật tướng.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thật tướng khó lường mà thường đạt đến chỗ sâu xa.

Chánh văn: *Khéo nói pháp yếu.*

Ngài La-thập nói:

- Lời văn này nói chẳng đủ, theo bản văn đáng lẽ phải ghi: “Dùng yếu ngôn thuyết pháp” tức dùng lời văn đơn giản, gọn, mà phân tích nghĩa lý sâu rộng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tức dùng lời ước lược mà diễn bày được nhiều nghĩa. Tức là khen ông Duy-ma khéo đạt được chỉ thú thuyết pháp.

Chánh văn: *Biện tài không trệ, trí tuệ vô ngại.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Lời lẽ luận biện thật trôi chảy, hợp lý không ngăn trệ, trí tuệ thông suốt không chướng ngại.

Chánh văn: *Biết rõ tất cả pháp thức của Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Nghĩa là các oai nghi thần thông biến hóa.

Chánh văn: *Vào tất cả các bí tạng của chư Phật.*

Ngài La-thập nói:

- Như nói về thân, khẩu, ý trong kinh Mật Tích.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Gần thì biết các nghi thức của Bồ-tát, xa thì vào bí tạng của chư Phật. Bí tạng tức là kho tàng bí mật về thân miệng ý của chư Phật.

Chánh văn: *Hàng phục các ma.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Các ma tức bốn ma.

Chánh văn: *Du hý thần thông.*

Ngài La-thập nói:

- Thần thông biến hóa là Du, dùng đó để dẫn dắt chúng sinh, đối với ta chẳng phải là chân thật, nên gọi là Hý. Lại Thần thông tuy lớn, nhưng người có năng lực thì dễ hiện, đối với ta cũng chẳng khó, giống như làm trò vui chơi. Cũng nói trong Thần thông có thể ra, vào, trụ, ở đều vô ngại.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đạo chơi khắp nơi để giáo hóa chúng sinh, và lấy đó để tự vui

Chánh văn: *Trí tuệ và phương tiện đều đã rốt ráo (đắc độ).*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trí dụng cùng tột, quyền đạo rốt ráo, nên gọi là độ.

Chánh văn: *Tuy thế, con xin vâng theo Thánh chỉ đến thăm bệnh ông ấy.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đức của ông ấy đã như thế, thật chẳng thể kham đối đáp, nhưng vì vâng lời Phật mà đến.

Chánh văn: *Bấy giờ, trong chúng hội, các vị Bồ-tát, Đại đệ tử, Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương... đều suy nghĩ rằng: “Nay hai vị Đại*

sĩ là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Trưởng giả Duy-ma-cật đàm luận nhau, ắt là nói về diệu pháp. Tức thời tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm Thanh văn.

Ngài La-thập nói:

- Các Thanh văn khác chỉ lấy việc lìa khổ làm tâm nguyện, chẳng cầu pháp sâu xa, nên chẳng đồng đi. Năm trăm vị Thanh văn này đều có trí tuệ sâu xa, thích nghe pháp sâu xa. Vì thế mà cùng đi.

Chánh văn: Năm ngàn trời, người đều muốn đi theo.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bạc Đại sĩ tập hội, ắt có nói đến diệu pháp, cho nên tất cả đều muốn cùng đi.

Chánh văn: Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng các Bồ-tát, các đại đệ tử có hàng trời người cung kính vây quanh đồng vào thành Tỳ-da-ly.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Am-la viên bên ngoài thành, trượng thất của ngài Tịnh Danh bên trong thành.

Chánh văn: Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật thâm nghĩ rằng: “Nay ngài Văn-thù-sư-lợi và Đại chúng sẽ đến nơi đây.” Ông liền dùng thần lực làm cho trượng thất trống rỗng, dẹp bỏ tất cả các vật.

Ngài La-thập nói:

- Sắp làm sáng tỏ không, nên hiện tượng không để phát khởi. Ví như có hết lòng cung kính đặt vật cúng dường, ắt cho là do ông sắp đặt. Vì ngài Văn-thù thích thanh tịnh rỗng rang, cho nên làm trượng thất trống không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Khởi phát niệm này là để nhân đó mà làm trượng thất trống không, hầu nêu tâm rỗng rang dung nạp, vì có dẹp bỏ thì mới có không. Bí mật ở việc dùng để nêu tông chỉ. Hiện thân thông, nghĩa là dấu có việc chẳng thay đổi vị trí mà thật có dẹp bỏ, là để nói rằng người có sức biến hóa như thế ắt là lời nói không hư dối.

Chánh văn: Và các thị giả.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Vì ngại mình tiếp thị giả, nếu cần thì gọi riêng đến, lại để nói về việc phàm thể hội được tông chỉ thì chẳng có tâm xả bỏ quần sinh, ví như không bỏ, thì tất cả đều là thị giả.

Chánh văn: Chỉ đặt một chiếc giường nằm dưỡng bệnh

Ngài Tăng Triệu nói:

- Hưng khởi việc hiện bệnh là nơi đây, còn làm thất trống không,

đẹp bỏ thị giả để phát khởi đầu mối luận biện, thì chứng dẫn ở văn sau. Chỉ đặt một chiếc giường là nguyên do của việc mượn tòa.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Người nhiều, thất nhỏ, chỉ đặt một chiếc giường cũng còn ngăn ngại. Hơn nữa đi, đứng, nằm, ngồi là tùy theo sự thích nghi của thân, nếu cần thì sắp đặt, hà tất phải dự định trước. Vì thế mà đẹp bỏ, há cho là chẳng tiếp đón ư? Vì có khách cho nên như thế, mà thật sắp đặt là để tiếp người cần dùng. Hiện sức thần thông là để biểu thị công đức của việc nói lý, công đã chẳng thể lường, thì biết sở thuyết là thật.

Chánh văn: *Ngài Văn-thù-sư-lợi vào trượng thất trống rỗng, không có gì cả, chỉ có một chiếc giường.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Người thấy sẽ được chủ ý của ông ấy.

Chánh văn: *Ông Duy-ma-cật nói: “Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ngài đến thật đúng lúc.”*

Ngài La-thập nói:

- Nếu im lặng không nói gì thì chủ khách chẳng hòa hợp. Khen “Thiện lai (lành thay)” là muốn nói khách đến rất hợp, chủ cũng rộng tiếp đón.

Chánh văn: *Tướng chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Muốn nói đến đi cử động của pháp thân Đại sĩ chẳng trái với thật tướng. Thật tướng chẳng đến vì thế mà đến, thật tướng chẳng thấy vì thế mà cùng thấy. Chẳng đến mà thường đến, chẳng thấy mà thường thấy. Pháp thân đã như thế, thì đâu có gì khéo léo bằng?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã lấy lý thể làm tâm, thì đến đối với kia chính là đến của tướng chẳng đến, đến của tướng chẳng đến là cùng tột của thiện xảo.

Chánh văn: *Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: “Thật vậy, này Cư sĩ! Nếu đã đến thì chẳng đến nữa, nếu đã đi lại chẳng đi nữa.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nói “thật vậy” tức là lý đã nói ở trước đúng như thế. Nếu, nghĩa là giả sử có đến thì chẳng thể tự nêu là chẳng có đến, đã đến thì chẳng đến nữa, tướng đến mà chẳng đến, rõ ràng hiển bày. Thể hội được thì biết chẳng có công, vậy ngã nào có thiện xảo gì?

Chánh văn: *Vì sao? Đến, chẳng từ đâu; đi, chẳng có nơi đến.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đến vốn tại nơi chẳng đến, đến còn chẳng từ nơi đâu mà đến,

huống gì đến lại có thể đến nữa sao? Đi đối chiếu với đến thì hai nghĩa tự rõ ràng nhau.

Chánh văn: *Cái có thể thấy, lại chẳng thể thấy.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tức nói không có tướng đến đi để thành tựu chỗ thiện xảo của ngài Tịnh Danh. Phàm đến, đi, thấy nhau đều là nhân duyên giả gọi. Chưa đến cũng chẳng có đến, đã đến lại chẳng đến nữa. Xa lìa đến, đã đến và chưa đến, thì có gì gọi là đến đi? Thấy cũng như thế. Trong đó uyển chuyển luận biện về các luận sẽ tìm cầu.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã luận đủ ở văn trước, cho nên nay chẳng bàn rộng thêm.

Chánh văn: *Hãy gạt việc này lại.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy thích luận đàm, nhưng sứ mạng chưa làm, nên tạm dừng việc luận đàm ấy để thăm bệnh.

Chánh văn: *Cư sĩ! Bệnh này có thể nhẫn chịu được chăng?*

Ngài La-thập nói:

- Nếu bệnh nặng, khó nhẫn chịu thì sẽ bỏ đạo nghiệp. Hỏi bệnh nặng nhẹ, có thể nhẫn chịu được chăng?

Chánh văn: *Chữa trị thuyên giảm chăng? Chẳng tăng thêm chứ? Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi không xiết. Bệnh do đâu mà sinh?*

Ngài La-thập nói:

- Kinh sách của ngoại đạo chỉ biết bệnh của ba đại, chẳng biết đại địa. Phật pháp nói bệnh của bốn đại. Bệnh sinh là do bốn đại tăng hoặc giảm. Bốn đại tăng giảm ắt tự có nhân mà sinh, nên nay hỏi nhân khởi bệnh.

Chánh văn: *Bệnh phát đã bao lâu, khi nào bệnh lành?*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sứ mạng đã xong, nên lại hỏi đến nguyên do sinh bệnh. Bệnh này do đâu sinh, đã bao lâu rồi, làm sao để lành bệnh?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Hỏi nguyên do của thật bệnh để tìm ý của giả bệnh.

Chánh văn: *Ông Duy-ma-cật nói: “Từ si mà có ái nên bệnh tôi sinh.”*

Ngài Đạo Dung nói: Chúng sinh có si nên sinh ái, có ái nên thọ thân, có thân ắt có bệnh. Vì họ có bệnh nên bệnh tôi sinh. Nói chúng sinh có bệnh thì tôi có bệnh là nói vì chúng sinh cho nên sinh bệnh. Ông Duy-ma vì chúng sinh đã từ lâu xa, nên biết chẳng phải là mới đây. Sau

nói bệnh chúng sinh diệt thì bệnh tôi cũng lành, là nói ông ấy khởi bệnh chẳng đồng, hạn cuộc nơi chúng sinh. Hàng Bồ-tát mới học chưa thể ở lâu nơi sinh tử vì tất cả mà khởi bệnh, cho nên nói bậc Đại sĩ có tâm rộng lớn, trụ nơi bệnh thật. Suy mé trước lấy phát tâm làm khởi đầu, tìm mé sau cùng chúng sinh đồng diệt. Hàng mới học nghe thế thì tâm hạn hẹp liền tự phát rộng lớn. Hai câu nói về bệnh sinh diệt, tuy là nói về bệnh, nhưng ý là muốn nói về Bi. Cho nên chỉ luận về bệnh khởi diệt lâu mau. Lâu mau đã rõ thì đại Bi tự hiển. Vì thế trước trả lời về sinh diệt, sau mới đáp về đại Bi khởi. Tập này lấy việc nói về Tông làm gốc, mà trước nói đại Bi có hai môn vào Phật pháp là đại Bi và trí tuệ, thứ bậc từ cạn đến sâu, hoằng truyền thì có thứ tự, cho nên trước nói đại Bi sau nói về thật tướng.

Ngài La-thập soạn Không Giải có ghi: “Si không có mé trước, không có mé trước thì không có mé sau và khoảng giữa.” Bệnh cũng như thế, không có lâu mau, trong đó chẳng giống như có nghĩa không. Cho nên ghi riêng để thông với nghĩa trên.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đáp về lâu mau; Bồ-tát có bệnh gì, do thương xót người mà sinh bệnh, bệnh của chúng sinh do si ái là gốc, bệnh của Bồ-tát thì đại Bi là nguồn. Phạm cao là do thấp mà khởi, bệnh nhân nơi Bi mà sinh. Vì thế bệnh Bi khởi từ si ái, mà si ái lại không có đầu mối, chẳng rõ nguồn gốc của nó. Bệnh của tôi lâu mau, đồng nguồn với điều ấy. Đây là nói phát khởi của bệnh Bi, chẳng cần phải căn cứ theo tự kỷ mà luận.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phạm ý hiện bệnh là muốn dứt trừ si ái từ vô thủy chúng sinh, diệt hết nguồn vô cùng của nó. Ta nay tuy có sinh nhưng thật chẳng phải là ta nay có sinh. Ý tại nơi nghĩa khi xưa của chúng sinh, tức là bệnh từ xưa của chúng sinh. Thế thì bệnh khởi khi có si ái, chẳng phải đến hôm nay. Chẳng thể nói tất cả, vì nay đáp bệnh lâu mau, thì nghĩa chẳng cùng khắp. Nhưng nói chung thì si ái cùng khắp, cũng trong nghĩa này. Và lại, chẳng nói chúng sinh, là vì Bồ-tát không có si ái, rõ ràng có chỗ lệ thuộc.

Chánh văn: *Vì tất cả chúng sinh bệnh, nên tôi có bệnh, nếu tất cả chúng sinh hết bệnh, thì bệnh của tôi cũng lành.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trả lời về bệnh lành. Bệnh của Cư sĩ do nơi chúng sinh bệnh mà có; bệnh của chúng sinh hết, thì ta nào có bệnh gì? Nhưng do chúng sinh vô biên, si ái vô bờ, thì đại Bi cũng phải có hạn lượng đồng như thế. Cho

nên, trước nói đại Bi vô cùng, lấy si ái làm bờ mé, sau nói đại Bi vô biên cùng diệt bệnh với chúng sinh. Đây là nhân nơi chỗ đến của Bi mà nói về Bi diệt si ái chẳng gần.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Si ái là nguồn nhiễm bệnh của chúng sinh, nguồn đã tận thì bệnh tự trừ. Bệnh của Bồ-tát vốn do nơi đây, vậy bệnh của chúng sinh hết thì bệnh Bồ-tát chẳng trừ ư? Vả lại, bệnh của Bồ-tát là lấy sự cứu vớt tất cả làm chủ; nếu chúng sinh, có ai không được lợi ích thì đó là do chẳng thuận theo, chứ giáo hóa chẳng thiên lệch. Thế thì tuy nói một người hết bệnh thì Bồ-tát hết bệnh, nhưng đó chính là nói nếu tất cả chúng sinh không sinh bệnh sau đo Bồ-tát mới lành bệnh. Từ chúng sinh mà nói thì Bồ-tát cũng có bệnh. Chẳng thể chẳng cho là khác.

Chánh văn: *Vì sao? Bồ-tát vì chúng sinh mà vào sinh tử, có sinh tử thì có bệnh, nếu chúng sinh lìa bệnh thì Bồ-tát không bệnh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp thân vô sinh, hà huống lại có hình, đã không hình thì bệnh do đâu mà khởi. Nhưng chúng sinh đã thọ sinh chẳng thể không có hình, đã có hình thì chẳng thể không bệnh, nên tùy bệnh chúng sinh lâu mau mà Bồ-tát cũng hiện bệnh đồng như thế. Nếu chúng sinh lìa bệnh, thì Bồ-tát chẳng có bệnh.

Chánh văn: *Vì như ông Trưởng giả chỉ có một người con, người con ấy bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh theo. Nếu người con lành bệnh, bệnh của cha mẹ cũng lành. Bồ-tát cũng như thế, thương chúng sinh như con một, nếu chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sinh lành bệnh, Bồ-tát cũng hết bệnh. Vậy lại hỏi bệnh này do đâu mà sinh?*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Hỏi thì hỏi trước mà nay lại đáp sau, cho nên nói như thế. Chẳng trả lời trước là vì nhân của bệnh cần phải dùng sinh diệt để hiển thị.

Chánh văn: *Bồ-tát bị bệnh là do đại Bi mà khởi.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bệnh của Bồ-tát lấy đại Bi làm gốc, nhân đó mà phát khởi. Đây là trả lời câu hỏi đầu tiên.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu chẳng có đại Bi thì bệnh chẳng thể tự khởi.

Chánh văn: *Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi: “Cư sĩ! Ngòi trượng thất này vì sao lại trống không, không có thị giả?”*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Việc hưng khởi làm thất trống không là tại nơi đây. Hỏi trượng

thất vì sao trống không, lại chẳng có thị giả. Không có thị giả thì sau mới đáp riêng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Hỏi thăm về bệnh trạng đã xong, kể đến hỏi về ý trượng thất trống. Phàm nơi người cư trụ ắt phải có những vật dụng cần thiết để sinh hoạt, mà nay lại trống không, là lý do gì? Vả lại, người bệnh ắt phải có người giúp đỡ, mà nay chẳng biết chỗ nào, ở đâu? Đồng hỏi hai việc mà dùng không để phân biệt với thị giả.

Chánh văn: Ông Duy-ma-cật nói: “Quốc độ của chư Phật cũng đều không.”

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đạo lý bình đẳng chẳng có hai đường, cõi nước trong mười phương không đâu chẳng không, há chỉ hỏi một trượng thất này không ư?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã có mà hôm nay trừ bỏ, rõ ràng là chẳng thật, nói về cõi nước chư Phật, tuy thanh tịnh an lạc mà cũng là không vậy. Cõi nước của chư Phật tức là cõi nước có Phật. Nêu lời này, là vì cho dù Phật được tự tại mà còn chẳng thể làm cho cõi nước của mình thành có, hà huống là các việc khác? Đó cũng là điều mà tâm người xem trọng, nên nêu lên làm đầu mỗi đạt ngộ.

Chánh văn: Lại hỏi: “Lấy gì làm không?”

Ngài La-thập nói:

- Trong thất lấy không vật làm không, cõi nước thì lấy lý gì làm không?

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trượng thất thì lấy không vật làm không, vậy cõi Phật lấy gì làm không? Đó là sắp luận đến rốt ráo không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Còn tồn tại cõi nước thì đâu được có, chẳng ngộ thì đồng với không ở đây. Nhưng trụ ở cõi nước thì nói là đồng, lấy gì mà đạt được không đây?

Chánh văn: Đáp: “Lấy không làm không.”

Ngài La-thập nói:

- Không là vì không có vật. Không là tánh của cõi nước, tức là tất cánh không, cho nên không.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phàm có là do tâm sinh, tâm nhân nơi có mà khởi; từ đó có thị phi, sinh vọng tưởng, có không phân biệt, tranh nhau luận biện. Nếu ý

được rỗng lặng như hư không, tâm thầm hợp với chân cảnh, vi diệu tồn tại trong hoàn vũ này, có không nhất quán, thì tuy trí trùm khắp vạn vật mà chưa từng là có, thầm soi chẳng chiếu, mà chưa từng không. Cho nên có thể bằng trời đất là một chỗ về, mà chẳng trái chân thật, gương sáng và ảnh tượng đã huyền thông mà ta và vật đều là một. Ta vật là một, cho nên trí không có công chiếu soi, nên chẳng trái với chân thật. Vì thế vật vật tự đồng, kinh ghi: “Thánh trí vô tri vì lấy hư không làm tướng, các pháp vô vi, đối với hư không đồng lượng.” Cho nên lấy trí không mà không nơi hữu, thế thì tức hữu mà tự không, há nhờ vào trừ bỏ tất cả, sau đó mới không ư? Trên nói không là trí không, dưới nói không là pháp không. Nói thẳng vào pháp không; không lấy gì để thủ chứng định, cho nên bên trong dẫn chân trí, bên ngoài chứng pháp không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Không nói trên là không của không tuệ, không nêu dưới là lý không nói ở trước. Tức là nói cần phải có không tuệ sau đó mới được không. Nếu chẳng có không tuệ, thì rốt cuộc chẳng được không, vậy đâu có thể cho rằng ta nói là chẳng không?

Chánh văn: *Hỏi: Đã không, cần gì phải không?*

Ngài La-thập nói:

- Nếu pháp tánh tự không, thì lẽ ra thẳng đến mà tự không, các Hiền Thánh đâu cần dùng không tuệ để không các pháp?

Ngài Tăng Triệu nói:

- Không nói trước là pháp không, không nói sau là trí không. Các pháp tánh tự không, thì đâu cần nhờ vào trí không rồi sau đó mới không?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu lý thật là không, đâu cần dùng không tuệ sau đó mới không? Mà tự có không tuệ giải thoát. Không này tức là chỗ làm của tuệ, chẳng phải là lý tự như thế, vậy đâu có thể dùng không tuệ rồi sau đó mới không mà liền nói theo lý là không?

Chánh văn: *Đáp: “Vi không phân biệt không cho nên không.”*

Ngài La-thập nói:

- Không ghi trên là không tuệ, không nói ở dưới là pháp không. Tuy pháp tánh tự không chẳng đợi không tuệ, nhưng nếu không có không tuệ, thì đối với ta là có. Dùng vô phân biệt không tuệ này mà được không kia, đối với ta là không.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trí sinh khởi nơi phân biệt, nhưng các pháp không tướng, nên

trí không phân biệt, trí không phân biệt tức trí không, vậy các pháp vô tướng tức pháp không. Vì trí không phân biệt các pháp tức biết trí pháp không, há có trí không nào khác, mà nhờ vào đó để không các pháp ư? Thế thì khi trí chẳng phân biệt pháp, lúc ấy trí pháp đều đồng một không, chẳng có không khác. Cho nên nói: “Vì không phân biệt là trí không, nên trí biết pháp không”, chứ chẳng có trí không nào khác để không các pháp.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Trước nói không tuệ, chẳng phải cho rằng phân biệt để tạo tuệ không, mà đó là tùy lý chứng ngộ. Nếu tùy lý để ngộ mà đạt được tuệ này, sau đó mới không thì theo lý chẳng đúng sao?

Chánh văn: *Lại hỏi: Không có thể phân biệt không?*

Ngài La-thập nói:

- Hỏi về tuệ giải không. Trước tuy đã nói về không tuệ, chẳng thấy “không” có sự phân biệt, chưa rõ được tuệ thể không không phân biệt, nên hỏi không tuệ này có thể phân biệt chẳng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trên đã nói vì vô phân biệt là không tuệ, nên biết pháp không, lại không có không sai biệt. Tuy nói không sai khác mà tướng sai khác đã hình thành, tướng sai khác đã hình thành thì phân biệt lại sinh. Nếu biết trí và pháp chẳng khác không, thì do đâu mà nói: “Vì không phân biệt là trí không, nên biết pháp không?” Cho nên mới hỏi trí không và pháp không có thể phân biệt chẳng? Vì trí, pháp đều không, nên chỉ nói một không là đầy đủ rồi.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nói tức không thì không tựa như có tướng, có tướng thì liền phân biệt với các việc khác. Không ví như có phân biệt mà tuệ chẳng phân biệt, thì không và tuệ khác nhau. Không đã khác tuệ, thì chẳng từ tuệ mà có vậy.

Chánh văn: *Đáp: Phân biệt cũng không.*

Ngài La-thập nói:

- Tuệ khác không, thì thành phân biệt, tuy có phân biệt nhưng tánh của cả hai là không.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trước là nói phân biệt nơi không phân biệt vậy. Nếu hay vô tâm nơi phân biệt, mà phân biệt nơi không phân biệt thì suốt ngày phân biệt mà chưa từng phân biệt. Cho nên nói phân biệt cũng không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nói không tức tướng không cũng không, nếu tướng không chẳng không, không trở thành có. Không đã là có, thì có há không được chẳng? Thế thì đều có mà chẳng không. Cho nên phân biệt cũng không, rồi sau đó mới không.

Chánh văn: *Lại hỏi: Không nên tìm cầu nơi đâu?*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trên là nhờ vào chánh trí để nói về không, sợ người mê sẽ cho rằng nghĩa không chỉ tại nơi chánh mà chẳng có nơi tà, nên mới hỏi nghĩa không tại nơi đâu, để nói tà chánh chẳng khác.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Lời thật đã hết rồi, nhưng người mê còn chưa hoàn toàn tin hiểu, nên mới xin nghiệm lại lời ấy để đạt ngộ. Trước suy theo lý thì thật là không rốt ráo rồi, vì phân biệt cũng không; không thì vô tướng. Nếu quả như lấy không vô tướng làm thật, thì phải tìm cầu nơi đâu mới được không ấy?

Chánh văn: *Đáp: Nên tìm cầu nơi sáu mươi hai kiến.*

Ngài La-thập nói:

- Trên đã nói rốt ráo không, thì chẳng pháp nào chẳng không. Nhưng muốn lập tâm cầu ngộ, cần yếu phải có phương tiện, cầu phương tiện, cần yếu phải có chỗ nghi hoặc, hoặc sinh là sinh nơi cái thấy sai biệt, cái thấy cùng tốt sai biệt, không đâu hơn là tà chánh, cùng tốt của tà chánh không gì hơn nơi đây (sáu mươi hai kiến). Cho nên mới hỏi tìm cầu nơi đâu, mà đáp bằng hai pháp.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tà nhân nơi chánh mà sinh, chánh nhân nơi tà mà khởi. Nếu tìm tánh, thì tánh không hai. Cho nên muốn tìm cái không của chánh trí, nên tìm nơi sáu mươi hai kiến.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu lấy tướng làm tâm, rốt cuộc chẳng ra khỏi sáu mươi hai kiến, kiến là tà, trong đó chẳng có không, không chẳng phải như thế ư?

Chánh văn: *Hỏi: Sáu mươi hai kiến nên cầu ở đâu?*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu sáu mươi hai kiến tồn tại, đều là tà, thì lại cầu nơi đâu mà được nghĩa không kia?

Chánh văn: *Đáp: Nên cầu trong pháp giải thoát của chư Phật.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Xả tà kiến gọi là giải thoát, trái với giải thoát gọi là tà kiến. Thế thì tà và giải trái nhau, cái gì gọi là nguồn gốc? Cái mà làm nguồn gốc

của hai pháp này là một mà thôi. Cho nên, tìm cầu tà kiến, nên tìm nơi giải thoát.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Giải thoát tức thoát khỏi các kiết trói buộc, nếu tồn tại đều chẳng tà, thì chẳng thể dẹp bỏ, mà trong giải thoát không có điều đó. Cho nên biết các kiến, theo lý ắt phải như thế. Nói chư Phật tức nói đồng vi diệu.

Chánh văn: *Hỏi: Giải thoát của chư Phật nên cầu nơi đâu?*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu giải thoát của chư Phật là giải thoát các kiết hoặc trói buộc, thì lại nên tìm cầu nơi đâu mà được?

Chánh văn: *Đáp: Nên cầu nơi tất cả tâm hành của chúng sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tâm hành của chúng sinh tức là hạnh trói buộc; hạnh trói buộc tức là nguyên nhân sinh giải thoát. Hơn nữa, tà chánh đồng nguồn, trói, mở chỉ một môn; tìm về chân tánh của nó, thì chưa từng có sai biệt; cho nên cầu giải thoát của chư Phật, nên cầu nơi tâm hành của chúng sinh.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tâm hành tức chẳng lấy lý làm tâm, tâm chẳng theo lý thì mãi bị trói buộc trong sinh tử, chẳng khi nào ra khỏi. Nếu trong tâm hành của tất cả chúng sinh đều không có giải thoát, thì biết giải thoát tức giải thoát được. Tâm hành cũng gọi là sáu mươi hai kiến vậy, chỉ vì nghĩa chẳng đồng cho nên lấy làm đây kia. Nếu không luận về giải thoát của chư Phật là xa lìa kiết phược, thì chưa đủ để nghiệm chứng sáu mươi kiến là tà. Nếu không luận về sáu mươi hai kiến là tà, thì cũng chưa đủ nghiệm chứng không là thật. Vì thế, kể đó xin hỏi để rõ biết.

Bản khác ghi: Sáu mươi hai kiến, giải thoát của chư Phật và ý hành của chúng sinh.

Ngài La-thập nói:

- Nói hai kiến có thì gốc tà cực sâu nặng, nói giải thoát có thì nguồn chánh thật diệu, ý hành của chúng sinh ở giữa hai kiến chấp này. Ba tụ pháp này là nơi chúng sinh chấp trước, nhất định thấy có sai biệt. Phàm chấp tướng khởi hoặc do đây mà sinh. Phản mê cầu tông ắt cũng là từ đây. Ba tánh đồng một mối, nên xoay vần quan hệ với nhau.

Chánh văn: *Nhân giả lại hỏi vì sao không có thị giả? Thì tất cả chúng ma và các ngoại đạo đều là thị giả của tôi.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thị giả theo nghĩa thế gian thì chỉ lo cung kính phụng mạng chủ

nhân, chu cấp những món cần dùng. Còn thị giả của Bồ-tát thì ngã mạn, trái mệnh chủ nhân, nghịch với chánh đạo, đồng với điều đại nghịch kia, hòa để thâm hợp mà nuôi lớn pháp thân, đó là thị giả. Vì thế các ma và ngoại đạo là các thị giả trước tiên.

Chánh văn: *Vì sao? Vì chúng ma thích sinh tử, còn Bồ-tát ở nơi sinh tử mà chẳng bỏ.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Ma thích sinh tử thì trụ nơi ấy, nếu chẳng theo việc giáo hóa thì vĩnh viễn trái với chúng, há có thể khiến ngộ được lý hữu tông ư?

Chánh văn: *Ngoại đạo thích các kiến, còn Bồ-tát thì đối với các kiến chẳng động.*

Ngài La-thập nói:

- Nói chẳng thấy các pháp có tướng sai biệt.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ma thích nắm dục chẳng cầu pháp xuất thế, nên bị trói buộc nơi sinh tử. Hàng ngoại đạo tuy có cầu xuất thế, nhưng chấp trước đạo của mình, bị trói buộc nơi tà kiến. Bạc Đại sĩ quán sinh tử đồng Niết-bàn, nên chẳng xả bỏ; quán tà kiến đồng chánh kiến nên chẳng động. Vì chẳng động, chẳng xả bỏ, nên có thể lấy đó làm thị giả.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Cũng chẳng bỏ các kiến. Ma và ngoại đạo đều là những kẻ nghịch lý cùng tột, nhưng đã đạt được tông chỉ rồi, thì ngoài điều này ra đâu còn gì phải nói?

Chánh văn: *Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: “Cư sĩ! Bệnh của ngài có tướng trạng thế nào?”*

Ngài La-thập nói:

- Ngay nơi sự mà quán xét, thì như không bệnh mà nói có. Vả lại, chưa thấy được tướng bệnh, nên mới tìm tướng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đã biết nguyên nhân khởi bệnh lại hỏi tướng bệnh sinh. Bốn trăm lẻ bốn bệnh đều có tướng trạng khác nhau, mà bệnh đại Bi lấy gì làm tướng? Đây là muốn nói đến vô tướng đại Bi. Tùy thuận chúng sinh mà khởi bệnh, thì tuy suốt ngày hiện bệnh mà suốt ngày vô tướng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Hỏi về tướng trạng của bệnh lẽ ra phải hỏi trước khi hỏi về không, nhưng hỏi trước thì đáp ắt rõ ràng, nhưng phương hại đến ý hỏi về không; Vả lại, nếu nghĩa không đã rõ thì tướng trạng của bệnh cũng hiển bày.

Chánh văn: Ông Duy-ma-cật nói: “Bệnh của tôi không có hình để có thể thấy.”

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tâm đại Bi không duyên mà không đâu chẳng duyên, không đâu chẳng duyên, nên ứng chúng sinh mà khởi bệnh, thì Ta chưa từng có bệnh, vì chưa từng có bệnh nên đồng với tướng của các bệnh mà chẳng trái với đạo vô tướng. Vì sao? Vì là đại Bi vô duyên, vô duyên thì vô tướng, từ đây mà sinh bệnh thì bệnh cũng vô tướng. Cho nên nói: “Bệnh của tôi không có hình để thấy.”

Ngài Đạo Sinh nói:

- Bệnh đã hình thành, theo lý ắt là phải thấy, nhưng chẳng có thật bệnh, nên nói như thế.

Chánh văn: Hỏi: Bệnh này hợp với thân hay hợp với tâm?

Ngài La-thập nói:

- Không hình tướng để thấy tức là nói về rốt ráo không. Theo lời nói tựa hồ như có bệnh mà chẳng thấy, nên sinh câu hỏi này.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Người mê hoặc nghe nói bệnh chẳng thể thấy thì cho rằng là tâm bệnh vô hình nên chẳng thể thấy, hoặc định là thân bệnh quá nhỏ nhiệm, nên chẳng thấy, vì thế mà phải lập câu hỏi này. Tức bệnh nơi thân tâm, hợp với chỗ nào mà nói là chẳng thể thấy?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm thân là gốc thọ nhận các bệnh, tâm là chủ để nhận biết đau đớn. Vậy bệnh hợp với tâm là vô hình vậy; nên nhờ vào ý này để hỏi, hầu dẫn đến việc nói bệnh không có chỗ gá nương, sau đó mới thật là vô hình tướng.

Chánh văn: Chẳng hợp với thân, vì thân tướng vốn xa lìa.

Ngài La-thập nói:

- Không thân nên không bệnh.

Chánh văn: Cũng chẳng hợp với tâm, vì tâm như huyễn

Ngài La-thập nói:

- Tâm không chân thật nên không có bệnh.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thân tướng xa lìa thì chẳng phải thân, tâm như huyễn thì chẳng phải tâm. Thân tâm đã không, bệnh hợp với cái gì? Không hợp nên không bệnh, không bệnh nên chẳng thấy.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Thân vốn là biểu hiện bên ngoài nên nói là lìa tướng, còn tâm

thì xao động vô cùng, nên nói như huyền. Thân tâm đã không, thì lấy gì mà hợp?

Chánh văn: *Lại hỏi: Bốn đại đất, nước, lửa, gió, đại nào có bệnh.*

Ngài La-thập nói:

- Đây là nói về nguyên do khởi bệnh. Nguyên do khởi bệnh chẳng phải từ một việc, ắt phải do bốn đại giả hợp mà sinh. Giả hợp sinh thì bệnh không tự tánh; bệnh đã không tự tánh thì đồng như trên đã nói là không thể thấy. Ở đây tuy nói về nguyên do khởi bệnh, thật ra là nói về sở dĩ không bệnh.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thân sinh là do bốn đại hợp thành. Trên nói chung về thân, nay suy diễn về bốn đại để tìm kỹ về gốc bệnh.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Thân tâm vốn do bốn đại hợp thành. Thân tâm có thể không, nhưng bốn đại là có, bốn đại mỗi mỗi đều khởi một trăm lẻ một bệnh, nhưng có thể cho đó nhất định là vô hình. Lại nhờ vào đây mà hỏi, để nói rằng nhân nơi bốn đại có bệnh mà không có hình tướng.

Chánh văn: *Đáp: Bệnh này chẳng phải là địa đại cũng chẳng là địa đại, các đại hỏa thủy, phong cũng như thế!*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bản tánh của bốn đại tự không có bệnh. Nhưng do các duyên hội hợp, bốn đại tăng giảm, khắc chế nhau mà sinh bệnh; vậy muốn cho là có bệnh thì bản tánh tự không bệnh, muốn cho là không bệnh thì tướng giả là có. Nên bệnh chẳng phải do địa đại cũng chẳng là địa đại. Các đại khác cũng thế.

Chánh văn: *Nhưng bệnh của chúng sinh lại từ bốn đại sinh khởi.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Thật nhân nơi đó vậy.

Chánh văn: *Vì họ có bệnh nên tôi bệnh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bốn đại vốn không, bệnh cũng chẳng có, nhưng bệnh hư giả của chúng sinh từ bốn đại khởi. Nên ta cùng với bệnh hư giả kia để ứng hợp với bệnh của chúng sinh. Nếu suy tìm trở lại nguồn gốc thì ta người không có thật bệnh. Vậy muốn thấy hình tướng ấy, phải làm thế nào?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Cũng nhân nơi đó mà nói chẳng phải là bệnh thật.

Chánh văn: [Bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật

rằng: “Bồ-tát phải an ủi Bồ-tát có bệnh như thế nào?”]

Ngài Tăng Triệu nói:

- Việc an ủi người bệnh lẽ ra là việc của ngài Văn-thù, ngược lại hỏi ngài Tịnh Danh, đó là vì những người đồng tập hội chú tâm nơi đây lại thủ chứng nơi bệnh, nên cần xét kỹ để biết an ủi. Đây là nói đạo Đại thừa vô chứng để an ủi các Bồ-tát mới tập hiện bệnh, vì thế mà có câu hỏi này.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm an ủi người có bệnh là việc làm của người không bệnh. Ông Duy-ma-cật đã có thể không bệnh, nên hỏi ông. Tuy là Bồ-tát nhưng chưa tránh khỏi bệnh, chẳng thể không bị bệnh làm khổ, từ đó mà tiếc sống sợ chết; vì như có tâm tiếc sinh sợ chết thì cũng chỉ tăng thêm sinh tử mà thôi! Vì thế, là thân đồng đạo với nhau thì nên an ủi. An ủi họ thì mới trừ được tâm này, tâm này đã trừ, thì sinh tử cơ hồ dứt vậy.

Chánh văn: Ông Duy-ma-cật nói: “Nên thuyết thân vô thường, chẳng nên thuyết nhàm chán thân.”

Ngài La-thập nói:

- Có ba pháp, gồm trong pháp thế gian và pháp xuất thế gian, đó là:

1. Nếu quán vô thường mà nhàm chán thân này là pháp Thanh văn.
2. Chấp trước thân này, chẳng quán vô thường là pháp phàm phu.
3. Quán vô thường mà chẳng nhàm chán thân là pháp Bồ-tát.

Nay vì người bệnh mà thuyết pháp Bồ-tát. Lấy pháp này mà sống với bệnh thì tâm chẳng loạn.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp an ủi là vì người bệnh, nói thân vô thường để trừ bỏ tâm tham chấp cho họ; chẳng nên nói nhàm chán xa lìa thân này để làm cho họ thủ chứng. Chẳng quán vô thường, chẳng có tâm nhàm chán thì đó là phàm phu. Quán vô thường mà sinh tâm nhàm chán xa lìa là Nhị thừa. Quán vô thường mà chẳng có tâm nhàm chán xa lìa là bậc Bồ-tát. Vì thế nên an ủi người mới học khiến họ an tâm chữa bệnh, để cứu độ quần sinh, mà chẳng chán sinh tử, chẳng thích Niết-bàn, đây là pháp an ủi của bậc Đại sĩ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm người luyện tiếc sự sống thì tâm yêu mến thân, tâm đã yêu

mến thân thì không nhàm chán mình, nếu nói vô thường, há có thể ái luyến được chăng? Nếu từ đó mà ngộ được thì chẳng mong trừ dẹp các hoặc mà hoặc tự tiêu. Hoặc tiêu thì chẳng thọ thân. Tuy hoặc đã tiêu trừ thân chẳng có, nhưng rốt cuộc chẳng chấp vào lý; đối với lý chẳng chấp, thì hay cùng tận được lý, cùng được lý tận được tánh, thì thế lực quy tụ, cứu độ được tất cả. Đến như khi còn hoặc, chắc chắn sợ hoặc mà cầu ngộ, tâm cầu ngộ ắt là quán vô thường nhàm chán thân này. Thế thì tâm nhàm chán thân, phát xuất từ hoặc, chẳng phải tâm trong lý.

Chánh văn: *Thuyết thân có khổ, chẳng thuyết ưa thích Niết-bàn.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Theo lý nếu là vô thường, thì mất điều ưa thích sẽ dẫn sinh phiền não. Nếu luận kỹ thì tám khổ tụ tập, chẳng có gì đáng luyến tiếc. Trước thì nói thân có hoặc, dùng vô thường để nhàm chán xa lìa, ở đây cũng nói khổ lạc và Niết-bàn lạc, theo lý mà luận, há được như thế ư?

Chánh văn: *Thuyết thân vô ngã mà dạy dỗ dẫn dắt chúng sinh.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm yêu mến thân là do chấp ngã, nếu đã là vô thường khổ, há có một chủ thể của nó chăng? Đã không có một chủ thể trong đó thì sao lại yêu mến? Đây là cũng y cứ vào người sợ hoặc khổ dùng độc thiện chỉ dạy mà thôi, đã ngộ được tâm, thì gọi đó là dẫn dắt chỉ dạy.

Chánh văn: *Nói thân không tịch.*

Ngài La-thập nói:

- Tùy căn cơ lợi độn mà thuyết có rộng hẹp. Ví như cây lớn chẳng thể một búa mà ngã, gốc phiền não đã sâu, chẳng thể một pháp mà trừ được. Hoặc có người tuy nghe vô thường nhưng cho chẳng khổ, thì phải nói khổ; đã nghe khổ thì liền cho rằng có một chủ nhân thọ khổ vui, nên phải nói vô ngã và không.

Chánh văn: *Chẳng nói rốt ráo không tịch.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy thấy thân khổ, mà lại chẳng thích Niết-bàn vui thú. Tuy biết vô ngã mà chẳng cho là chúng sinh không, cho nên chẳng thiếu sự chỉ dạy dẫn dắt. Tuy biết thân không mà chẳng chấp thủ đạo Niết-bàn rốt ráo không tịch, nên hay an trụ nơi sinh tử, hiện đồng bệnh với chúng sinh. Vì thế người an ủi nên nói pháp mà họ nên làm, việc chẳng nên làm thì chẳng nên nói.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã không có một năng lực làm chủ thể thì ngã và thân nào có? Nếu chẳng có thân thì sự luyến mến từ đâu sinh? Nói không tịch là để

hiển bày nghĩa không thật, chứ chẳng phải cho là không. Nhưng bốn câu này đều là tùy nghĩa mà sắp xếp thứ tự, theo lý thì gồm chung tất cả.

Chánh văn: *Nói chúng sinh hối tội trước, chẳng nói nhập vào quá khứ.*

Ngài La-thập nói:

- Người lợi căn nghe bốn câu trên thì có thể sống nơi bệnh mà chẳng loạn. Từ đây trở xuống là vì hàng độn căn. Nói những lời gần gũi thân thiết để dụ dẫn tâm họ. Ngày hôm nay bệnh ắt là do quá khứ tạo tội. Nên chỉ dạy sám hối tội từ trước đã gây. Đã nói có tội trước, thì tựa như tội có tánh thường, rơi vào quá khứ, nên nói chẳng rơi vào quá khứ, diệt trừ ý tưởng về thường tánh kia.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chỉ dạy Bồ-tát có bệnh sám hối tội đã gây tạo từ trước, tội đã gây tạo tuy trói buộc người, nhưng chẳng nói tội có tánh thường, từ vị lai về hiện tại, từ hiện tại rơi vào quá khứ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm tham tiếc sự sống chán sợ sự chết là sợ có tội. Nếu có thể cải hối thì ra khỏi cảnh này thì đâu có gì phải sợ? Vì thế dạy sám hối tội xưa để diệt trừ sự sợ hãi ấy. Đây là căn cứ theo duyên, chẳng nói thật có.

Chánh văn: *Từ bệnh mình mà thương xót bệnh người.*

Ngài La-thập nói:

- Khiến họ suy từ mình mà xót thương người. Nên nghĩ rằng: “Ta hôm nay mới có một chút bệnh mà đau khổ như thế, huống gì chúng sinh trong các đường ác chịu biết bao nhiêu thống khổ.”

Ngài Tăng Triệu nói:

- Khuyên người bệnh nên suy bệnh của mình mà xót thương bệnh người.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Ta có trí tuệ mà còn có bệnh khổ, huống gì kẻ không thông đạt? Suy mình để xót cho người, là tâm cứu giúp tất cả, há để cho mình sợ chết ư?

Chánh văn: *Nên biết sự khổ nào ở vô số kiếp về trước.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Từ vô số kiếp đến nay trải qua vô lượng đau khổ, làm sao chỉ một sớm mà bỗng tiêu tan?

Chánh văn: *Nên nghĩ đến sự lợi ích cho tất cả chúng sinh.*

Ngài La-thập nói:

- Từ vô số kiếp đến nay chịu vô lượng thống khổ, chưa từng vì đạo, vì đạo mà chịu khổ ắt đạt được lợi ích lớn. Đã lấy đây tự nhủ mình, lại nên nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sinh, khiến chúng sinh cùng đạt được lợi ích này.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nên nghĩ đến vô lượng khổ đã thọ ở quá khứ mà nay chỉ một chốc lát thì đâu đủ gây ưu phiền, nên gắng sức cứu giúp người thoát khổ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nghĩ muốn làm lợi ích tất cả chúng sinh, nên mới vào sinh tử, chẳng được sợ hãi.

Chánh văn: *Nhớ những phước đức đã làm.*

Ngài La-thập nói:

- Ở Ấn Độ, phạm những việc phước đức đã làm từ khi sinh đến lúc chết đều ghi chép rõ, lúc sắp chết người thân đọc lại, khiến nhờ phước này mà tâm chẳng lo buồn sợ hãi.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sợ Bồ-tát mới học bị bệnh tật làm loạn tâm, nên khuyên nhớ lại những phước đã tạo để tâm thần nhẹ nhàng an vui.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Người có phước ắt chỗ sinh về phải thù thắng, có gì phải lo sợ?

Chánh văn: *Nghĩ đến tịnh mạng.*

Ngài La-thập nói:

- Tịnh mạng tức chánh mạng. Tự nghĩ rằng từ lúc sinh đến nay thường hành chánh mạng, ắt sẽ được đường lành, có gì ta phải lo sợ?

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chớ vì cứu thân bệnh mà khởi thực hành tà mạng, tà mạng tức là mạng xiểm khúc, cầu lợi lạc để giữ sinh mạng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Khi hành thiện vốn là muốn đắc đạo độ thế gian, chưa từng cầu y phục, uống, ăn, lợi lạc, thì còn chẳng sợ bị sinh tử kéo dặt, hà huống gì tội khổ ư?

Chánh văn: *Chớ sinh lo buồn.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Lo buồn cũng vô ích, chỉ đưa đến khổ não mà thôi.

Chánh văn: *Thường khởi tinh tấn.*

Ngài La-thập nói:

- Tuy thân mạng gần chết nhưng ý chưa từng xả bỏ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Do bệnh tật mà sinh biếng trễ, biếng trễ thì càng sinh lo buồn, nên siêng năng tranh đua cùng thọ mạng, luôn sợ rằng chẳng đến bờ kia, vậy há lại khởi phiền não ư?

Chánh văn: *Nên làm Đại y vương chữa trị các bệnh của chúng sinh*

Ngài La-thập nói:

- Khiến họ nhân nơi bệnh mà phát thệ nguyện lớn như thế, đối với các bệnh không thể cứu chữa, nên làm bậc pháp y để chữa trị.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nên làm bậc Đại pháp y vương chữa trị bệnh tật cho chúng sinh, còn bệnh của Ta đâu cần phải lo nghĩ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Chỉ nên siêng năng chữa trị để cứu giúp tất cả, chớ khởi tâm lo buồn, chỉ thêm khổ, vô ích mà thôi.

Chánh văn: *Bồ-tát cần phải an ủi Bồ-tát có bệnh như thế, để họ hoan hỷ. Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: “Cư sĩ! Bồ-tát có bệnh làm thế nào để điều phục tâm mình?”*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trên là hỏi về hành nghi an ủi, ở đây lại hỏi về phép tắc điều tâm. Ngoài có thiện để an ủi, trong cũng lấy thiện để điều phục, thì có thể vào khắp sinh tử, đồng bệnh với chúng sinh, nếm đủ chua cay mà chẳng cho là khổ. Đó là nguyên do ông Tịnh Danh hiện bệnh. Vì muốn chỉ phép tắc sống nơi bệnh cho người mới học, nên phát khởi câu hỏi này.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm tâm bị cảnh lôi kéo thì chẳng điều ác nào mà chẳng làm, thí như con ngựa buông lung, khó mà cấm chế. Vì thế nổi trôi trong sinh tử, chẳng khi nào ra khỏi. Vậy muốn tự trừ gốc khổ, cần phải chế ngự mà điều phục mới được. Phương pháp điều phục ắt là có đạo, giống như điều phục ngựa thì phải dùng chuồng trại, há chẳng thuận theo ư? Đã được pháp tắc ấy thì sau mới điều phục được. Những Bồ-tát chưa tránh khỏi bệnh tật, ắt sẽ bị bệnh khổ bức bách trời buộc thì càng khó chế phục hơn, nên phải đặt câu hỏi này.

Chánh văn: *Ông Duy-ma-cật đáp: “Bồ-tát có bệnh phải tự nghĩ rằng: Nay ta có bệnh, đều là do các phiền não, điên đảo vọng tưởng từ đời quá khứ sinh ra.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu như bị bệnh nặng bức bách thì chẳng thể chẳng suy đến lý của bệnh. Lý của bệnh là không thì đâu thể bức bách ta. Phàm những pháp từ duyên khởi thì đã tự chẳng có, huống hồ gì pháp do điên đảo vọng tưởng sinh ra?

Chánh văn: *Là pháp chẳng thật có, thì có ai thọ bệnh?*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phép tắc sống nơi bệnh trước tiên cần phải biết gốc bệnh, bệnh sinh đều là do những điên đảo vọng tưởng từ đời trước, vì có vọng tưởng điên đảo nên phiền não sinh, phiền não đã sinh thì phải có thân, đã có thân thì chẳng thể không có bệnh, ngược suy tìm gốc của bệnh, thì biết là hư vọng chẳng thật; gốc đã chẳng thật thì ai thọ bệnh? Đây là nói người mới tu hành, đầu tiên tập quán vô ngã.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Không có chỗ để thọ bệnh, đã không có chỗ để thọ bệnh thì bệnh không.

Chánh văn: *Vì sao? Vì bốn đại hòa hợp, giả gọi là thân, bốn đại không có chủ.*

Ngài La-thập nói:

- Bốn đại là gốc của thân, gốc đã vô chủ, nên thân vô ngã.

Chánh văn: *Thân cũng vô ngã.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Giải thích nghĩa vô ngã. Bốn đại hòa hợp, giả gọi là thân, bốn đại đã vô chủ thì thân, ngã do đâu sinh? Ví như một hạt cát không có dầu thì gom tụ vô số cát cũng chẳng có dầu. Chủ là một vật mà khác tên.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm chấp ngã, thì hoặc lấy thân làm ngã hoặc cho trong thân có ngã. Nay suy từ thân, theo lý thì chỉ do bốn đại hợp thành, mà không có pháp nào khác. Vậy bốn đại vô chủ thì thân cũng vô ngã. Bốn đại thì có bốn, ngã thì chỉ là một. Nếu nói ở trong đó làm chủ, nhưng đã vô chủ thì ngã cũng không ở trong đó; vì thân một thì ngã cũng chỉ là một. Nếu nói tức thân này là chủ, nhưng vô ngã thì ngã chẳng tức; ngã thật là không, làm sao có bệnh được?

Chánh văn: *Bệnh này khởi lên là do chấp ngã.*

Ngài La-thập nói:

- Bệnh khởi do có hai việc.

1. Do ở quá khứ chấp ngã, sinh ra các kết nghiệp. Quả kết nghiệp

đã chín thì thọ khổ.

2. Do hiện tại chấp ngã tâm sinh phiền não, nên bệnh càng tăng.

Chánh văn: *Vì thế chẳng nên chấp ngã.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nếu ngã là thật, thì há có bệnh sinh?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tìm nguồn gốc của bệnh thì biết vốn không, nhưng có bệnh đều là do chấp ngã mà khởi. Nếu chẳng chấp ngã, thì nào có bệnh?

Chánh văn: *Đã biết gốc bệnh.*

Ngài La-thập nói:

- Tức là chấp ngã.

Chánh văn: *Tức trừ được ngã tướng và chúng sinh tướng.*

Ngài La-thập nói:

- Ba việc này theo sự thì đồng mà nghĩa thì khác.

Ngài Tăng Triệu ghi: Gốc bệnh tức là vọng tưởng nêu ở trên. Vì có vọng tưởng, nên thấy có ngã và chúng sinh. Nếu ngộ được diên đảo của vọng tưởng, thì không ngã, không chúng sinh.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đã biết bệnh do chấp ngã mà khởi, thì nên dứt trừ. Chúng sinh tuy rằng tức là ngã, nhưng muốn suy biết trong các pháp tụ hợp không có ngã, nên nêu lên để tạm thấy được nghĩa này.

Chánh văn: *Nên khởi pháp tướng.*

Ngài La-thập nói:

- Đây là nhờ pháp để trừ ngã. Giống như người dùng sự giận dữ này để dẹp sự giận dữ kia.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bệnh ngã tướng rất nặng, nên cần phải trừ ngã tướng mà khởi pháp tướng. Pháp tướng đối với không là bệnh, đối với ngã là thuốc, lên xuống nghịch nhau, nên nhờ vào đó để đối trị.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Trừ làm gì? Vì đã dạy khởi pháp tướng. Khởi pháp tướng, chẳng phải nói là chấp pháp.

Chánh văn: *Nên nghĩ rằng: “Thân này chỉ do các pháp hợp thành.”*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Các pháp tức là ấm, giới, nhập. Hợp thành thân tức nói đó là nhân nói “chỉ do”, tức nói trong nhân không có ngã.

Chánh văn: [Khởi chỉ có pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt.]

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đây là giải thích pháp tướng. Các pháp năm ấm giả hợp thành thân, khởi chỉ có các pháp cùng khởi, diệt chỉ có các pháp cùng diệt, không có một chân thể chủ quản sự khởi diệt kia. Đã trừ ngã tướng, chỉ thấy các pháp duyên khởi nên gọi là pháp tướng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Khởi diệt là quả. Nói “chỉ” tức nói trong quả không có ngã.

Chánh văn: *Vả lại, trong pháp này không biết nhau.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Hai câu sau này lại nói về nhân quả tức chẳng phải ngã. Khi các pháp hợp thành, thì duyên nhau mà khởi, duyên nhau mà khởi thì chẳng thể chẳng cùng khởi hay chẳng thể cùng khởi? Nếu cùng khởi ắt có cái biết cùng khởi, nhưng cái biết đó tại nơi người, chẳng tại nơi Ta, ngược lại thì cùng biết nhau. Đó là lấy tự tại làm nghĩa ngã.

Chánh văn: *Khi khởi chẳng nói ta khởi, khi diệt chẳng nói ta diệt.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Vạn vật rối rắm loạn động, tụ tán ai làm chủ, chỉ do duyên hợp thì khởi, duyên tan thì lìa. Tụ tán chẳng dự trước, nên các pháp chẳng biết nhau.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Từ duyên mà khởi, cũng chẳng thể chẳng có chỗ từ để khởi hay chẳng có chỗ từ để khởi. Nếu có từ để khởi, ắt có biết từ đâu khởi, nhưng chỗ biết là từ mình chứ chẳng phải nơi người, nên không có nghĩa biết nhau. Đây cũng lấy tự tại làm nghĩa ngã.

Chánh văn: *Bồ-tát có bệnh muốn diệt trừ pháp tướng.*

Ngài La-thập nói:

- Trước dùng pháp trừ ngã, từ đây trở xuống là dùng không để trừ pháp.

Chánh văn: *Thì nên nghĩ rằng: Pháp tướng này cũng là điên đảo. Điên đảo là bệnh lớn, ta cần phải xa lìa.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp tướng tuy trừ được ngã, nhưng đối với chân còn là điên đảo, chưa tránh khỏi bệnh, nên cần xa lìa.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm dùng pháp tướng trừ ngã tướng, há lại có pháp để sinh chấp trước ư? Có nơi ngôn từ thì cũng sinh hoặc, nên kế đó phải trừ, lại có thể dùng để so sánh giải thích hầu nghĩa được rõ ráo.

Chánh văn: Thế nào là lia? Tức lia ngã và ngã sở.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ngã là chủ của vạn vật, vạn vật là sở hữu của ngã. Nếu xa lia ngã và ngã sở thì không pháp nào chẳng lia.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu có tâm chấp ngã thì tất cả các pháp bên ngoài đều cho là của ngã. Sở hữu của ngã là pháp đối đãi với ngã. Ngã đã không thì sở hữu tồn tại độc lập được ư?

Chánh văn: Thế nào là lia ngã và ngã sở? Đó là lia hai pháp

Ngài Đạo Sinh nói:

- Trước đã nói hai việc, nay lại nói cần lia hai việc. Đối đãi làm hai, sau đó xa lia.

Chánh văn: Hai pháp là gì? Tức chẳng nghĩ các pháp trong ngoài, mà thực hành bình đẳng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Có ngã và ngã sở thì hai pháp tự sinh, hai pháp đã sinh thì trong và ngoài hình thành, trong ngoài đã hình thành thì các pháp khác tên, các pháp khác tên thì thị phi khuynh đoạt nhau, thị phi khuynh đoạt nhau thì các bệnh lại thành. Nếu có thể chẳng nghĩ đến các pháp trong ngoài, tâm luôn hành bình đẳng, thì vào hạnh không, chẳng còn hoạn pháp tướng. Trong ngoài tức là hình thức và trần cảnh.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Trong tức là ngã, ngoài tức tất cả pháp. Đây là lấy đối đãi làm hai. Nghĩa chẳng nghĩ đến đó, mà thực hành bình đẳng tức là lia.

Chánh văn: Thế nào là bình đẳng? Là ngã bình đẳng, Niết-bàn bình đẳng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tức hai pháp một cực cao, một cực thấp, đồng dùng một pháp quán là bình đẳng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Niết-bàn tuy chẳng phải không nhưng là pháp biểu thị cho không, cho nên trong các pháp bên ngoài chỉ nêu Niết-bàn để đối ngã mà luận về bình đẳng.

Chánh văn: Vì sao? Vì ngã và Niết-bàn đều không.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nơi sự thì chẳng phải không khác, nơi không thì chẳng phải không là một.

Chánh văn: Vì sao là không? Chỉ vì danh tự nên không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Dưới danh tự thì chẳng có thật.

Chánh văn: Hai pháp như thế không có tánh quyết định.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Do trái nghịch với Niết-bàn nên có ngã, như xả bỏ ngã thì gọi là Niết-bàn. Hai pháp đều giả nên có danh tự, nhưng sinh vốn là tự tánh của nó, tánh không quyết định, nên hai pháp đều không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Không nhất định.

Chánh văn: Đạt được bình đẳng này, thì không còn bệnh nào khác, chỉ còn bệnh không.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Cũng là dùng lời để phá trừ. Vì nghĩa có thô và diệu nên nói như thế.

Chánh văn: Bệnh không cũng không.

Ngài La-thập nói:

- Trên là nói về vô ngã vô pháp, mà chưa trừ không, chưa trừ không thì còn bị trói buộc, còn trói buộc tức là bệnh, nên phải nói bệnh không cũng không còn.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Quần sinh tâm chấp trước sâu dày chẳng thể bỗng chốc xả bỏ, nên theo thứ bậc dần dần dứt trừ, cho đến khi chẳng còn trừ nữa. Trên là dùng pháp để trừ ngã, rồi dùng không để trừ pháp, nay lại dùng rốt ráo không để không nghĩa không kia, thì mới được vĩnh viễn không bệnh.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Lý không thì chẳng bệnh, bệnh là do có không. Vì luận theo bệnh, cho nên nói không là bệnh.

Chánh văn: Bồ-tát có bệnh nên không có tâm thọ mà thọ nhận các pháp.

Ngài La-thập nói:

- Thọ tức ba thọ khổ, lạc và xả. Nếu có thể biết thọ là không thọ, thì có thể vì chúng sinh mà thọ sinh, nhẫn chịu ba thọ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Các thọ tức ba thọ. Đã quán bệnh không thì ba thọ cũng đều không. Nếu có thể không nơi ba thọ thì ba thọ tự trừ, chẳng phải là muốn xả bỏ, nên có vào các thọ là vì giáo hóa hữu tình.

Chánh văn: Chưa đầy đủ Phật pháp thì chưa diệt các thọ mà thủ chứng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Người khéo tự điều phục thì vào hữu chẳng nhiễm hữu, nơi không chẳng nhiễm không. Đây là chỗ rốt ráo của không thọ. Vì tâm không thọ, nên không gì chẳng thọ; không gì chẳng thọ nên vĩnh viễn cùng với chúng sinh thọ nhận các thọ. Các thọ tức là khổ thọ, lạc thọ và chẳng khổ chẳng lạc thọ. Chưa đầy đủ Phật pháp, chưa độ tận chúng sinh, thì chưa diệt ba thọ mà thủ chứng.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Y cứ theo người có tâm lo sợ các thọ muốn cầu diệt độ, ắt nắm lấy đó là đủ để trừ các bệnh và cho rằng đã cực diệu, chẳng còn cầu đạt tận lý, thế thì chứng đắc nghĩa không mới nữa đường đã bỏ dở.

Chánh văn: *Dẫu thân có khổ, nhưng nên nghĩ đến chúng sinh ở đường ác mà khởi tâm đại Bi.*

Ngài La-thập nói:

- Thân công đức trí tuệ của ta còn thống khổ như thế, huống gì các chúng sinh trong đường ác thọ vô lượng khổ? Tức khởi tâm Bi, muốn cứu khổ cho họ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Trước nói vào các thọ là vì tâm giáo hóa chúng sinh đó là tâm đại Bi. Thế nào là đại Bi? Nghĩa là dẫu thân ta có thống khổ, nhưng vì nghĩ đến chúng sinh trong các đường ác mà cứu vớt họ. Trước tuy quán bệnh không, nhưng chính là khiến cho tâm chẳng còn hoặc khổ, mà chưa có thể đạt được thật không. Nếu quán thuần thực, lý sáng tỏ, sau đó mới sinh thì thật là không. Vì thế nói dẫu thân có bệnh khổ, nhưng nên nghĩ đến chúng sinh ở các đường ác, tức nói ta ở trong loài người đã có phước, lại thêm trí tuệ sáng tỏ mà còn khổ như thế, hà huống trong ba đường ác không có phước trí? Chỉ nghĩ đến ba đường ác, là vì đã nơi sinh tử chẳng ai tránh khỏi. Nên lấy đó làm duyên để phát khởi đại Bi.

Chánh văn: *Ta đã được điều phục, cũng nên điều phục cho tất cả chúng sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Cần phải cùng với chúng sinh mà chịu các khổ vui.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Mình chẳng điều phục, thì chẳng tránh khỏi ba đường ác.

Chánh văn: *Chỉ trừ bệnh của họ, mà chẳng nên trừ các pháp.*

Ngài La-thập nói:

- Nghĩa là các pháp thường lạc, tịnh do vọng kiến thấy được. Sở dĩ nói không là vì chẳng lấy có để lạc và tịnh các pháp, mà lấy không

để trừ bỏ. Tức là trừ bệnh vọng tưởng mà không có pháp để trừ bỏ, nên hay ở trong đó mà chẳng trừ bỏ pháp đó.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Điều phục để trừ sự hiện hữu của hoặc mà chẳng trừ sự hiện hữu của pháp.

Chánh văn: *Vì đoạn gốc bệnh mà chỉ dạy cho họ.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Các pháp do duyên sinh, tụ tan chẳng do tự kỷ. Hợp thì có hình, tan thì chẳng có tướng, pháp vẫn tự y nhiên, đối với ta đâu có gì phải gọi là bệnh. Sở dĩ bệnh sinh, là do ta có vọng tưởng nơi pháp, tự gây ra bệnh, mà pháp đâu có làm ta sinh vọng tưởng? Thế thì vọng tưởng là gốc bệnh mà pháp chẳng phải bệnh của ta, cho nên chỉ dạy trừ gốc bệnh mà chẳng nên trừ pháp.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Gốc bệnh đoạn trừ thì bệnh sẽ dứt.

Chánh văn: *Thế nào là gốc bệnh? Vì có phan duyên.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Chấp thủ tướng tức phan duyên. Nói có tức kia có vậy.

Chánh văn: *Từ có phan duyên mà có gốc bệnh.*

Ngài La-thập nói:

- Trên nói Bồ-tát tự tìm gốc bệnh, dùng lý mà điều phục tâm, nên có thể sống nơi bệnh mà tâm chẳng loạn. Nay nói vì đoạn bệnh cho chúng sinh, nên suy tìm gốc bệnh của họ, sau đó mới tùy nghi. Máy thần vừa động thì tâm có chỗ tùy thuộc, nên gọi là phan duyên. Phan duyên chấp tướng là khởi đầu của vọng động, là gốc của bệnh.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phan duyên, nghĩa là vọng tưởng, máy động phan duyên các pháp. Vọng tưởng đã duyên thì đẹp xấu đã phân, đẹp xấu đã phân thì yêu ghét liền khởi mạnh. Vì thế các kết sử xao động bên trong, các bệnh tật sinh bên ngoài. Từ khi có từ trở về trước thì thật rõ ràng, nên chẳng ghi chép. Nguyên do vốn là vọng tưởng nhỏ nhiệm mà thôi, cho nên nói phan duyên là gốc.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Trước thì nói có, còn ở đây thì nói mới có.

Chánh văn: *Phan duyên nơi đâu? Nơi ba cõi.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đây là nói về cảnh phan duyên. Pháp ngoài ba cõi thì vô lậu vô vi, pháp ấy không tướng; vọng tưởng chẳng thể phan duyên. Các hay

phan duyên, chỉ có ba cõi mà thôi.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Pháp của ba cõi, chẳng phải là thật lý.

Chánh văn: *Làm sao để đoạn phan duyên?*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đã biết gốc ấy do đâu mà đoạn trừ.

Chánh văn: *Dùng vô sở đắc.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Dùng lý vô sở đắc mà đoạn phan duyên.

Chánh văn: *Nếu vô sở đắc thì không có phan duyên.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sở dĩ có phan duyên là do tâm còn chấp giữ, đã có chấp giữ, thì tâm có chỗ chứng đắc. Nếu biết các pháp hư dối không chấp giữ, không được, thì phan duyên tự dứt trừ.

Chánh văn: *Thế nào là vô sở đắc? Đó là lìa hai kiến.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Hai kiến không có chỗ để đạt đến được.

Chánh văn: *Thế nào là hai kiến? Đó là nội kiến ngoại kiến vô sở đắc.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trong có vọng tưởng, ngoài có các pháp, hai pháp này đều hư giả, nên rốt cuộc chẳng được.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Hai kiến vốn lấy việc đạt được các pháp trong ngoài làm chính, nhưng trí tuệ quán xét, theo lý không có trong ngoài, sau đó hai kiến mới chẳng đạt được trong ngoài.

Chánh văn: *Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Đó là Bồ-tát có bệnh điều phục tâm mình để đoạn các khổ già, bệnh, chết, đó là Bồ-đề của Bồ-tát.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Bồ-đề lấy thật tế làm đạo, nếu Bồ-tát có thể được như thế, tuy chưa đạt được, nhưng cũng đã có.

Chánh văn: *Nếu chẳng như thế thì việc tu hành của mình không được trí tuệ và lợi ích.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nếu điều phục được tâm, chẳng chấp dị tướng, vĩnh viễn ở nơi sinh tử, đoạn trừ khổ cho người, thì đó là đạo Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu chẳng như thế thì việc tu hành, chẳng đủ để phát sinh trí tuệ bên trong,

chẳng đủ để làm lợi ích bên ngoài.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Không có trí tuệ và lợi ích đối với chúng sinh.

Chánh văn: *Ví như chiến thắng kẻ giặc mới được gọi là dũng.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Ta và người thân đều không còn giặc oán.

Chánh văn: *Như thế, người nào trừ diệt được già, bệnh, chết mới là Bồ-tát.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Bồ-tát nghĩ chúng sinh như người thân không khác, nếu chẳng trừ các oán giặc già, bệnh, chết cho người, thì oán giặc của mình cũng chưa trừ được.

Chánh văn: *Bồ-tát có bệnh nên suy nghĩ rằng: “Như bệnh của ta đây chẳng phải thật, chẳng phải có, bệnh của chúng sinh chẳng phải thật, chẳng phải có.*

Ngài La-thập nói:

- Biết được bệnh chẳng chân thật, nên hay ở nơi bệnh mà chẳng loạn. Nếu cho bệnh là thật thì chẳng thể trừ bệnh. Chúng sinh vô biên thì bệnh cũng vô tận. Bệnh đã vô tận, tánh của nó thật có thì làm sao có thể độ, thể thì liền mê loạn, tâm sinh thoái chuyển; nếu cho là bệnh chẳng thật thì dễ trừ diệt, tâm Bi liền sinh, phát thệ nguyện rộng lớn cứu độ tất cả.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Dùng sự suy nghĩ này mà khởi tâm đại Bi vậy. Như bệnh này của ta chẳng phải thật, chẳng có, tức nói ta đã đạt ngộ; bệnh của chúng sinh cũng chẳng thật chẳng chân, tức là nói chúng sinh chẳng ngộ, nên chỉ dạy cho họ biết được pháp này. Nhưng vì việc khởi tâm đại Bi đã nói đầy đủ ở văn trước, nên nay chỉ nói đến suy nghĩ mà thôi.

Chánh văn: *Khi quán như thế, nếu đối với chúng sinh mà khởi ái kiến đại Bi thì nên xả bỏ ngay.*

Ngài La-thập nói:

- Nghĩa là chưa thâm nhập thật tướng, thì thấy có chúng sinh, tâm liền sinh yêu mến, nhân đó mà sinh Bi, gọi là ái kiến đại Bi. Ái kiến đại Bi thì hư vọng, chẳng thanh tịnh, hay làm cho người khởi ý tưởng nhầm chán, nên cần phải xả bỏ.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nếu tự điều phục thì trước nên quán xét bệnh của chính mình và bệnh của chúng sinh do nhân duyên tạo thành, là hư giả chẳng thật;

nên dùng tâm này mà khởi đại Bi. Nếu quán xét chưa thuần thực, thấy chúng sinh liền yêu thương mà khởi Bi, đó gọi là ái kiến Bi. Bi này tuy là thiện mà có xen lẫn ái kiến, là cảnh của hữu tâm, chưa tránh khỏi sự phiền lụy nên cần phải xả bỏ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Khi thực hành hai pháp quán trên mà khởi đại Bi, nếu trong quán có tâm niệm ái, thấy chúng sinh mà muốn cứu độ, thì đó là ái kiến đại Bi.

Chánh văn: [Vì sao? Vì Bồ-tát phải đoạn trừ khách trần phiền não.]

Ngài La-thập nói:

- Tâm vốn thanh tịnh, không có trần cấu, có trần cấu là do các sự tụ hội mà sinh, đối với tâm là khách trần.

Chánh văn: *Mà khởi đại Bi.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tâm gặp ngoại duyên, phiền não liền khởi, nên gọi là khách trần. Pháp của Bồ-tát cần phải trừ khách trần mà khởi đại Bi. Nếu ái kiến chưa đoạn thì phiền não càng nhiều. Nên cần phải xả bỏ.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Ái kiến do hoặc tưởng sinh khởi là khách trần cần diệt trừ để khởi đại Bi.

Chánh văn: *Nếu có ái kiến Bi thì có tâm nhằm chán sinh tử.*

Ngài La-thập nói:

- Nếu nhân nơi ái mà sinh kiến bi thì sẽ có tâm nhằm chán.

Chánh văn: *Nếu xa lìa ái kiến thì không có tâm nhằm chán.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu dùng ái mà cứu bạt thì gặp tắng ất sẽ bỏ. Đã thấy mà chẳng trừ thì há có thể giáo hóa tất cả được ư?

Chánh văn: *Sinh ra nơi nào đều chẳng bị ái kiến che đậy.*

Ngài La-thập nói:

- Nếu trừ được ái kiến, thì liền xả bỏ kết nghiệp, lãnh thọ pháp giáo hóa chúng sinh, tự tại vô ngại.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phàm có kiến chấp ất có chỗ ngăn trệ, có chỗ yêu thích ất có chỗ chán ghét, đây là dụng có tận, đâu có thể đặt vào đạo vô tận. Nếu có thể xa lìa điều này thì pháp thân hóa sinh, không không đâu chẳng tại. Sinh tử thật vô cùng, chẳng ngộ thì xa, nào có bị sự che lấp của ái kiến, sự lao nhọc của nhằm chán ư?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nơi nơi đều sinh là vì không nhàm chán, há bị ái kiến che lấp ư?

Chánh văn: *Sinh ra không bị trói buộc, hay thuyết pháp mở sự trói buộc cho chúng sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ái kiến đã trừ, pháp thân đã lập thì sinh ra không bị trói buộc, lại hay mở trói buộc cho người.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Đại Bi đã chẳng bị ái kiến che lấp mà có sinh, ắt chẳng bị trói buộc nơi sinh.

Chánh văn: *Như lời Phật dạy: “Nếu mình bị trói buộc mà có thể mở trói cho người, thật chẳng có việc ấy; nếu mình không bị trói buộc mới có thể mở trói cho người.” Cho nên, Bồ-tát chẳng nên khởi những điều ràng buộc. Thế nào là ràng buộc, thế nào là giải thoát?*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Muốn nhàn nơi trói buộc và giải thoát mà giải thích nghĩa điều phục bên trong.

Chánh văn: *Tham đắm thiền vị là Bồ-tát bị trói buộc.*

Ngài La-thập nói:

- Tham đắm thiền vị có hai chương: Chương Niết-bàn và chương đạo Bồ-tát.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thọ sinh nơi ba cõi và nhị thừa thủ chứng đều do tham đắm thiền vị, vì thế bị trói buộc.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tham cầu quả báo mà hành thiền định thì có vị nơi hành. Hành đã có vị quả báo ắt mê hoặc; phạm có hoặc báo thì bị trói buộc nơi sinh.

Chánh văn: *Dùng phương tiện thọ sinh là Bồ-tát giải thoát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đã xa lìa sinh mà phương tiện vì chúng sinh mà thọ sinh thì ta và người không bị trói buộc, vì thế được giải thoát.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Muốn cứu độ quần sinh mà thọ sinh, là phương tiện thọ sinh, vì chẳng riêng vì mình nên quả báo không bị mê hoặc.

Chánh văn: *Không có phương tiện tuệ thì bị trói buộc, có phương tiện tuệ là giải thoát, không có phương tiện tuệ là trói buộc, có tuệ*

phương tiện là giải thoát.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Khéo léo tích tụ các đức, gọi là phương tiện, thông đạt pháp tướng gọi đó là tuệ, gồm đủ hai hạnh mới được giải thoát. Nếu không có phương tiện mà có tuệ thì chưa tránh khỏi trói buộc; không có tuệ mà có phương tiện cũng chưa tránh khỏi sự trói buộc.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Lại nói rộng về trói buộc và giải thoát. Phương tiện có hai loại:

1. Tạo hạnh có công đức cuối cùng đạt đến diệu quả.
2. Lấy đó để giáo hóa khiến tất cả đều thành tựu.

- Tuệ cũng có hai loại:

1. Quán lý điều phục tâm.
2. Ngay nơi quán mà các kết sử tận diệt.

Quán lý điều phục tâm tức ba thừa đều đồng, nếu thiên chấp thì bị trói buộc tại Tiểu thừa; nếu lấy đó làm phương tiện giáo hóa mà sử dụng thì chẳng bị trói buộc. Tu hành công đức dẫn đến quả, tức nếu có kết sử thì thọ quả báo trong ba cõi, bị trói buộc tại sinh, nếu kết sử tận, đạt được tuệ thì giải thoát.

Chánh văn: *Thế nào gọi là không có phương tiện tuệ thì trói buộc? Nghĩa là Bồ-tát dùng tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nơi pháp không vô tướng vô tác mà tự điều phục, đó gọi là không có phương tiện tuệ thì trói buộc.*

Ngài La-thập nói:

- Quán không chẳng thủ chứng, vào hữu chẳng nhiễm ô, là phương tiện thiện xảo. Nay nói trụ thứ sáu trở về trước chưa được vô ngại, nên lúc quán không thì không chấp trước, nhưng đến khi xuất quán cõi tịnh để hóa độ người thì sinh kiến chấp, tâm có yêu mến, đó là vụng nơi hữu động mà diệu nơi tịnh quán. Tuệ quán không chẳng chấp tướng, tuy là phương tiện nhưng lại lấy tên theo tuệ. Ở đây chỉ lấy nghĩa liên quan hữu chẳng chấp làm phương tiện; nên nói không có phương tiện mà có tuệ. Trụ Địa thứ bảy trở lên thường định, động tịnh chẳng khác, nên nói phương tiện tuệ.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trụ thứ sáu trở về trước, tâm chưa được thuần nhất, vào hữu thì bỏ không, tại không thì lìa hữu, chưa thể dùng chân tâm bình đẳng và cả hữu vô đều liên quan, vì thế trang nghiêm cõi nước và giáo hóa người thì có xen lẫn ái kiến. Đây chẳng phải là phương tiện thiện xảo tu đức, nên nói không có phương tiện, nhưng lại dùng ba không tự điều phục,

nên nói có tuệ.

Chánh văn: Thế nào gọi là có phương tiện tuệ là giải thoát? Nghĩa là không dùng tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật thành tựu chúng sinh, nơi các pháp không, vô tướng, vô tác mà tự điều phục, chẳng sinh mỗi một, nhằm chán.]

Ngài Đạo Sinh nói:

- Quán lý điều phục tâm, ấy là chán ghét sinh tử, lấy đây để làm phương tiện giáo hóa thì sẽ tạo ra mà được.

Chánh văn: Đó gọi là có phương tiện tuệ là giải thoát.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trụ Địa thứ bảy trở lên hai hạnh đều đầy đủ, đến đi nơi sinh tử mà chẳng nhằm chán mỗi một, nên gọi là giải thoát.

Chánh văn: Vì sao gọi là không có phương tiện tuệ thì trói buộc? Nghĩa là Bồ-tát trụ ở các phiền não tham dục, sân khuể, tà kiến... mà trông các cội công đức, thì gọi là có phương tiện tuệ thì giải thoát.

Ngài La-thập nói:

- Trụ Địa thứ bảy trở về trước thì hơn kém khác nhau. Đây là nói hàng Bồ-tát mới học chẳng tu chánh quán, chẳng đoạn phiền não, nên gọi là không có tuệ, lại hay tu đức, hồi hướng mong cầu quả lớn, nên nói là có phương tiện. Nếu có thể tu bốn Niệm xứ trừ bốn điên đảo, thì gọi là tuệ lìa phiền não. Lại khéo hay hồi hướng, tâm không lui sụt, là hay cầu phương tiện. Trụ Địa thứ sáu trở về trước tuy cùng tại cảnh trói buộc, nhưng nếu có thể đầy đủ hai pháp này thì sẽ giải thoát trong trói buộc. Trên là nói về tuệ vô tướng và phương tiện vào hữu chẳng chấp trước, là hai môn xuất thế gian. Còn ở đây nói về tuệ hữu tướng và phương tiện hay cầu tu; là hai pháp thế gian.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chẳng tu không tuệ để trừ phiền não, gọi là tuệ, siêng năng tích tụ các công đức gọi là có phương tiện.

Chánh văn: Thế nào gọi là có tuệ phương tiện là giải thoát? Nghĩa là xa lìa các phiền não tham dục, sân khuể, tà kiến... mà trông các cội công đức, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tuy không còn các kết sử, tránh khỏi sự trói buộc nơi sinh, nhưng đâu thể lấy đó tự trang nghiêm để thành Tiểu thừa, nên cần phải nói hồi hướng.

Chánh văn: Gọi là có tuệ phương tiện là giải thoát.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trên đã nói có phương tiện tuệ là giải thoát, ở đây nói có tuệ phương tiện là giải thoát, thì giải tuy đồng mà hạnh có trước sau. Mới tu hạnh, hoặc có người trước dùng phương tiện tích tập công đức, sau đó mới tu tập không tuệ; cũng có người trước tu không tuệ, sau đó mới tích tập các đức, mỗi mỗi tùy sự thích hợp mà giải thì chẳng khác. Là phiền não tức năng lực của ba không tự điều phục; tích tập các đức hồi hướng Bồ-đề tức thuộc trang nghiêm cõi nước, giáo hóa chúng sinh. Trước sau tuy khác nhưng đều cùng tận khéo léo.

Chánh văn: *Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có bệnh nên quán các pháp như thế!*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Từ câu “Chẳng phải chân” trở xuống là nói về quán không trói buộc.

Chánh văn: *Lại quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã gọi là tuệ.*

Ngài La-thập nói:

- Bốn câu trên nói chung cả tuệ phương tiện thế gian và xuất thế gian. Bốn câu này chỉ nói về tuệ phương tiện xuất thế gian. Cũng có thể nói rằng trên là nói chung về tuệ phương tiện, còn ở đây chỉ nói về tuệ phương tiện sự dụng khi bị bệnh, có năng lực chẳng diệt thân, thủ chúng. Nếu cho thân là có, thì khi bệnh đến ắt phiền não, nếu biết thân chẳng thật thì dù có bệnh cũng chẳng loạn tâm. Tuệ xuất thế gian cũng có sâu cạn. Vô thường là tướng đầu tiên của không, nên trước phải nói vô thường, vô thường cũng là tuệ cạn mỏng xuất thế gian.

Chánh văn: *Tuy thân có bệnh mà thường ở nơi sinh tử làm lợi ích tất cả, chẳng nhàm chán, đó gọi là phương tiện.*

Ngài La-thập nói:

- Sinh tử đáng chán, mà chẳng chán, khéo ở nơi hiểm nạn, nên gọi là phương tiện.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Quán bốn vô thường của Đại thừa là chân quán bình đẳng nên gọi là tuệ. Dùng tâm bình đẳng trụ thế gian chẳng mỗi một, nên gọi là phương tiện. Nói an ủi tức là việc này.

Chánh văn: *Vả lại, quán thân thì thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân.*

Ngài La-thập nói:

- Lìa thân thì chẳng có bệnh, nên cả hai chẳng lìa nhau. Vả lại, nói thân bệnh là một tướng, nên chẳng lìa nhau.

Chánh văn: *Bệnh này, thân này chẳng phải mới, chẳng phải cũ.*

Ngài La-thập nói:

- Đây là nói thật tướng, của thân và bệnh chúng chẳng có mới cũ, tức nói tuệ sâu xa xuất thế gian.

Chánh văn: *Đó gọi là tuệ, dấu thân có bệnh nhưng chẳng vĩnh viễn diệt độ.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Tuy cho rằng phương tiện có tuệ, nhưng trong phương tiện lại chẳng có tuệ. Dùng phương tiện tạo tuệ, tức trong tuệ lại có phương tiện. Vì thế cần phải luận để nghĩa lý được sâu rộng thêm.

Chánh văn: *Gọi là phương tiện.*

Ngài La-thập nói:

- Chẳng chấp giữ tướng diệt nên chẳng thể diệt, là sức phương tiện. Vào hữu lẽ ra là chấp giữ tướng mà chẳng giữ tướng, chẳng giữ tướng thì lý và hữu bất, mà có thể vào hữu, khéo léo ở nơi hiểm nạn, nên gọi là phương tiện.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Từ ngữ cũ mới xuất phát nơi từ trước sau, nhưng lìa thân thì không bệnh, lìa bệnh thì chẳng có thân; tất cả đều do các duyên hợp thành thì có cái gì sau, cái gì trước. Đã không trước sau thì không có mới cũ; mới cũ đã không tức vào thật tướng, nên gọi là tuệ. Đã có tuệ này mà đồng bệnh với chúng sinh, chẳng thủ chứng Niết-bàn, nên gọi đó là phương tiện. Nói về điều phục ở trước, là việc này. An ủi tự điều phục, là lược nêu về quyền trí. Quyền trí là điểm quan yếu trong kinh này, nên các lời thuyết giải đều có nói đến.

Chánh văn: *Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có bệnh nên điều phục tâm mình như thế!*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Quán xét được mất cũng là điều phục.

Chánh văn: *Chẳng trụ trong đó.*

Ngài Đạo Sinh nói:

- Nếu muốn trừ bỏ tâm chẳng điều phục, ắt phải dùng điều phục làm tâm.

Chánh văn: *Cũng chẳng trụ nơi tâm chẳng điều phục.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Hạnh Đại thừa vô ngôn vô tướng, mà vẫn trước dùng ngôn từ để nói về điều phục, nay nói ý chỉ ngoài lời nói, nên chẳng trụ cả hai. Cả hai đều chẳng trụ tức bản ý của việc nhờ vào lời nói, bản ý của việc nhờ

vào lời nói là chỗ cùng tột của điều phục.

Ngài Đạo Sinh nói:

- Chẳng lấy điều phục làm bản hoài, tức chẳng phải chẳng điều phục.

Chánh văn: *Vì sao? Nếu trụ nơi tâm chẳng điều phục là pháp của người ngu; nếu trụ nơi tâm điều phục là pháp của Thanh văn. Vì thế Bồ-tát chẳng nên trụ nơi tâm điều phục và tâm chẳng điều phục. Là hai pháp này là hạnh Bồ-tát*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Từ ngữ chẳng điều phục khởi từ người ngu, từ ngữ điều phục là khởi từ Thanh văn. Hạnh Đại thừa vốn không danh không tướng, muốn nói chẳng điều phục thì đồng với người ngu, muốn nói điều phục thì đồng với Thanh văn. Cả hai đều là mới là hạnh trung đạo của Bồ-tát.

Chánh văn: *Tại sinh tử mà chẳng bị nhiễm ô, nơi Niết-bàn mà chẳng vĩnh viễn diệt độ là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Muốn nói ở tại sinh tử thì sinh tử chẳng thể làm nhiễm ô; muốn nói trụ Niết-bàn thì vĩnh viễn chẳng diệt độ. Vì thế trụ nơi trung đạo mà thực hành, tức chẳng tại sinh tử chẳng trụ Niết-bàn.

Chánh văn: *Chẳng phải hạnh phạm phu.*

Ngài La-thập nói:

- Hạnh phạm phu có ba là thiện, bất thiện và vô động. Hạnh vô động tức là hạnh của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Hai cõi trên có thọ mạng kiếp số dài lâu, ngoại đạo cho là thường đó là nghĩa bất động. Phật cũng nhân nơi sự lập danh của thế gian mà gọi như thế.

Chánh văn: *Chẳng phải hạnh Hiền Thánh.*

Ngài La-thập nói:

- Tức là thực hành ba môn giải thoát mà chẳng thủ chứng.

Chánh văn: *Là hạnh Bồ-tát; chẳng phải hạnh cấu, chẳng phải hạnh tịnh, là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chẳng thể đặt tên.

Chánh văn: *Tuy vượt khỏi hạnh ma, mà thường thị hiện hàng phục các ma là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chẳng thể nắm bắt được mà lại có, chẳng thể nắm bắt được mà không, đó chỉ có hạnh Đại thừa mà thôi. Thế nên, muốn nói có thì vô tướng vô danh, muốn nói không thì vạn đức đều hiện hành; vạn đức đều

hiện hành nên tuy không mà có, vô tướng vô danh nên tuy có mà không. Vậy nói có mà chẳng trái không, nói không chẳng trái với có. Vì thế chương này hoặc nói hạnh có hoặc nói hạnh không, có không tuy khác mà điểm cực trí chẳng khác. Hạnh ma tức hạnh của bốn ma. Siêu việt đã lâu, mà hiện hàng phục các ma, tức thị hiện có chỗ vượt hơn.

Chánh văn: *Cầu Nhất thiết trí, chẳng cầu phi thời là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Công hạnh chưa đủ mà cầu quả rốt ráo gọi là cầu phi thời.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nhất thiết trí chưa thành tựu mà cầu chứng trung đạo, gọi là cầu phi thời.

Chánh văn: *Tuy quán các pháp chẳng sinh mà chẳng vào chánh vị là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Quán vô sinh là pháp thủ chứng; chẳng vào chánh vị, là nói chẳng chứng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chánh vị tức là vị thủ chứng. Ba thừa đồng quán vô sinh, nếu người có sức tuệ kém thì chẳng thể tự vượt ra; hàng có sức tuệ mạnh thì vượt qua mà chẳng chứng.

Chánh văn: *Tuy quán mười hai nhân duyên mà vào các tà kiến là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Quán duyên khởi là đạo đoạn tà kiến, mà trái lại đồng tà kiến, há Nhị thừa có thể làm được chăng?

Chánh văn: *Tuy nhiếp tất cả chúng sinh mà chẳng khởi ái chấp là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Nhiếp tức bốn Nhiếp pháp. Bốn nhiếp là pháp để thương mến nghĩ nhớ đến chúng sinh. Nay nói thương mến mà chẳng chấp trước.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bốn Nhiếp pháp, nhiếp phục chúng sinh, là pháp rốt ráo của lòng Từ ban vui, xem người cũng như mình mà không chấp trước.

Chánh văn: *Tuy thích xa lìa mà chẳng nương vào thân tâm tận, là hạnh Bồ-tát*

Ngài La-thập nói:

- Tâm thức diệt hết gọi là xa lìa, xa lìa tức là nghĩa không. Nói

chẳng nường tức ở nơi không mà chẳng chấp tướng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Xa lìa nhỏ, tức là xa lìa sự náo loạn, xa lìa lớn tức thân tâm diệt hết. Bồ-tát tuy thích xa lìa lớn nhưng chẳng nường cậy vào đó.

Chánh văn: *Tuy hành nơi ba cõi.*

Ngài La-thập nói:

- Tức hiện sinh nơi ba cõi.

Chánh văn: [Mà chẳng hủy hoại pháp tánh là hạnh Bồ-tát.]

Ngài La-thập nói:

- Ở trong đó mà chẳng mê hoặc.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ba cõi tức pháp tánh, nên ở trong đó mà nào có phá hoại?

Chánh văn: *Tuy hành nơi không mà trông các cõi công đức là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tu tập “không” là muốn trừ hữu, mà lại trông các cõi công đức.

Chánh văn: *Tuy hành vô tướng mà độ chúng sinh là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tu tập vô tướng là muốn phá trừ sự chấp thủ tướng chúng sinh, mà lại độ chúng sinh.

Chánh văn: *Tuy hành vô tác mà hiện thọ thân là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tu tập vô tác là muốn chẳng tạo nghiệp sinh tử, mà lại hiện thọ thân.

Chánh văn: *Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả các hạnh thiện là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tu tập vô khởi là muốn trừ diệt tâm khởi, mà lại khởi các hạnh thiện.

Chánh văn: *Tuy hành sáu pháp Ba-la-mật mà biết khắp các tâm sở của chúng sinh là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Sáu Độ là pháp tự hành, tự hành đã đủ thì hóa tha; hóa tha mới có thể biết tâm chúng sinh. Nay tuy tự hành mà đã biết rõ tâm của người. Lại theo thứ tự sáu Độ mà quán pháp vô tướng, chẳng cho vô tướng là ngại, cũng có thể biết tâm chúng sinh.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sáu Độ là hạnh vô tướng, vô tướng thì vô tri, mà trái lại nay biết

khắp tâm hành của chúng sinh.

Chánh văn: *Tuy hành sáu Thông mà chẳng tận các lậu là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy đầy đủ sáu Thông mà chẳng phải là hạnh lậu tận. Vì sao? Vì Bồ-tát quán các lậu là vô lậu, cho nên có thể vĩnh viễn ở nơi sinh tử, đồng các lậu như chúng sinh, há cho lậu tận mà khác với các lậu ư?

Chánh văn: *Tuy hành bốn Tâm vô lượng mà chẳng tham đắm sinh về Phạm thiên là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Hạnh bốn Tâm vô lượng ứng sinh về cõi bốn Thiên, nay chỉ nói Phạm là vì chúng sinh tôn sùng Phạm thiên, nên nêu lên. Vả lại, bốn Thiên gọi chung là Phạm.

Chánh văn: *Tuy hành thiên định, giải thoát Tam-muội.*

Ngài La-thập nói:

- Thiên tức bốn Thiên, định tức bốn không, giải thoát tức tám Giải thoát, Tam-muội tức không, vô tướng, vô tác.

Chánh văn: *Mà chẳng tùy thiên thọ sinh là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Giữ nhân mà chẳng giữ quả, có thể cho là hạnh tự tại.

Chánh văn: *Tuy hành bốn Niệm xứ mà vĩnh viễn chẳng lìa thân, thọ, tâm, pháp là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Tuy quán bốn pháp này, nhưng chẳng vĩnh viễn diệt độ mà thủ chứng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tiểu thừa quán thân, thọ, tâm, pháp, thì xa lìa mà thủ chứng, còn Bồ-tát tuy quán bốn pháp này mà chẳng vĩnh viễn xa lìa mà thủ chứng.

Chánh văn: *Tuy hành bốn Chánh cần mà chẳng xả, thân tâm tinh tấn là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Tinh tấn tức bốn Chánh cần. Chẳng chấp thủ nên nói là xa lìa.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trong pháp Tiểu thừa, thực hành bốn Chánh cần, khi công đức thành tựu thì xả bỏ mà vào vô vi. Bồ-tát tuy cũng đồng thực hành mà chẳng xả bỏ.

Chánh văn: *Tuy hành bốn Như ý túc mà được tự tại Thần thông là*

hạnh Bồ-tát.

Ngài La-thập nói:

- Tuy hiện tu tập Thần túc mà thật đã được Thần thông tự tại.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy đồng như Tiểu thừa tu tập Như ý túc, mà từ lâu đã đạt được thần thông tự tại của Đại thừa. Như ý tức là nhân của thần thông.

Chánh văn: *Tuy hành năm Căn mà thường phân biệt các căn lợi độn của chúng sinh là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tiểu thừa chỉ tự tu các căn của chính mình chẳng biết căn của người. Bồ-tát tuy đồng tu như thế mà khéo biết căn của người, khiến ta và người thuận nhau.

Chánh văn: *Tuy hành năm Lực mà cầu mười Lực của Phật là hạnh Bồ-tát, tuy hành bảy Giác chi mà phân biệt trí tuệ Phật là hạnh Bồ-tát, tuy hành tám Chánh đạo mà thích hành vô lượng Phật đạo là hạnh Bồ-tát.*

Ngài La-thập nói:

- Tức nói rõ về việc tuy thị hiện thực hành các pháp cạn, thấp nhưng nội tâm thật đã vào được pháp sâu xa.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy đồng tu hành các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo như Thanh văn, nhưng chí hăng cầu hạnh Phật.

Chánh văn: *Tuy hành pháp chỉ quán.*

Ngài La-thập nói:

- Đầu tiên buộc tâm tại duyên gọi là chỉ. Chỉ tương ứng gọi là quán.

Chánh văn: *Pháp trợ đạo mà rốt ráo chẳng đọa nơi Tịch diệt là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Buộc tâm nơi duyên gọi là chỉ, phân biệt đạt đến chỗ sâu xa gọi là quán; chỉ và quán là pháp yếu trợ giúp cho Niết-bàn. Bồ-tát vì thế mà thực hành, nhưng chẳng thuận theo để rồi rơi vào Niết-bàn.

Chánh văn: *Tuy hành các pháp chẳng sinh chẳng diệt mà dùng tướng quý và vẻ đẹp trang nghiêm thân là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tu hạnh vô sinh diệt, vô tướng vốn là vì diệt tướng, mà trái lại dùng tướng quý và vẻ đẹp trang nghiêm thân.

Chánh văn: *Tuy hành các oai nghi của Thanh văn và Bích-chi-*

Phật mà chẳng bỏ Phật pháp là hạnh Bồ-tát.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy hiện hành các oai nghi của Tiểu thừa mà chẳng bỏ pháp Đại thừa.

Chánh văn: *Tuy tùy các pháp tướng rốt ráo thanh tịnh, mà tùy chỗ thích ứng để hiện thân, là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tướng rốt ráo thanh tịnh, theo lý thì không hình tướng, mà tùy sự thích hợp của chúng sinh, hiện biết bao nhiêu hình.

Chánh văn: *Tuy quán các cõi Phật vĩnh viễn vắng lặng như hư không, mà thường hiện các cõi Phật thanh tịnh, là hạnh Bồ-tát*

Ngài Tăng Triệu nói:

- “Không” thì chẳng hiện, nhưng vì chúng sinh mà hiện bày.

Chánh văn: *Tuy được Phật đạo, chuyển pháp luân, vào Niết-bàn, nhưng chẳng bỏ đạo Bồ-tát là hạnh Bồ-tát.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy hiện thành Phật, chuyển pháp luân, vào Niết-bàn, nhưng chẳng vĩnh viễn tịch diệt, trở lại sinh tử, tu pháp Bồ-tát như trên đã nêu, hàng Nhị thừa há có được năng lực ấy ư? Chỉ có hạnh Bồ-tát mà thôi.

Chánh văn: *Khi nói những lời này, tám ngàn Thiên tử đi theo ngài Văn-thù đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.*

